

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 984/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Về một số chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước 1997

Để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ năm 1997 đã được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 10 thông qua, Thủ tướng Chính phủ quyết định một số chủ trương, biện pháp điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 1997 trên một số lĩnh vực chủ yếu:

I. VỀ HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÁC NGUỒN VỐN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Cần sửa đổi, bổ sung và ban hành một số cơ chế, chính sách mới nhằm phát huy tốt và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm lực về lao động, tiền vốn và tài nguyên phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, tập trung vào các vấn đề sau đây:

1. Kiến nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Pháp lệnh về lao động nghĩa vụ theo yêu cầu của tình hình mới, bảo đảm mọi công dân trong độ tuổi nghĩa vụ lao động (trừ các đối tượng được miễn) đều phải đóng góp một số ngày công nhất định trong năm để xây dựng, tu bổ các công trình cơ sở hạ tầng. Ban hành quy chế về chế độ lao động nghĩa vụ tương đương thời gian làm nghĩa vụ quân sự đối với nam thanh niên thuộc diện thi hành nghĩa vụ quân sự nhưng không được tuyển vào quân đội, chủ yếu để xây dựng một số công trình lớn về cơ sở hạ tầng. Những người thuộc diện huy động nếu không trực tiếp tham gia lao động nghĩa vụ thì phải đóng một khoản tiền tương ứng với tiền công theo giá thị trường tại địa phương. Chính phủ quy định cụ thể phương thức huy động, quản lý và sử dụng sức dân đóng góp bằng công lao động hoặc bằng tiền, bảo đảm công bằng, có hiệu quả, tránh tùy tiện,

lãng phí. Có biện pháp huy động các nguồn lực khác để xây dựng các công trình công ích nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2. Thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao... đồng thời, đa dạng hoá các nguồn đầu tư để phát triển các lĩnh vực này.

a) Ban hành chính sách khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục, y tế bán công và dân lập dưới nhiều hình thức, trong đó chú ý tới những điều kiện cần thiết cho sự thành lập và hoạt động của các cơ sở này, như chính sách cho thuê cơ sở vật chất (đất đai, trường lớp...), cho vay vốn, chế độ bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác đối với thầy giáo, thầy thuốc, công nhân viên làm việc trong các cơ sở này. Xây dựng quy chế về thành lập và hoạt động của các bệnh viện liên doanh và bệnh viện do nước ngoài đầu tư 100% vốn. Quy định cơ chế quản lý và kiểm soát của cơ quan nhà nước đối với sự hoạt động của các cơ sở giáo dục, y tế bán công, dân lập, có vốn đầu tư nước ngoài.

Đổi mới cơ chế bảo đảm kinh phí đối với các trường công, bệnh viện công theo hướng: từng bước thực hiện việc trang trải kinh phí cho các cơ sở này, trước hết là các chi phí thường xuyên với mức lương thoả đáng cho thầy giáo, thầy thuốc, bằng học phí, viện phí được quy định chính thức và công bố rõ, đồng thời cấm chỉ các khoản thu ngoài chế độ. Đồng thời, quy định rõ chế độ và cách thức trợ giúp việc học tập, khám chữa bệnh đối với người nghèo, gia đình chính sách, bằng một phần tài trợ của ngân sách nhà nước và sự đóng góp làm việc nghĩa của các tổ chức và cá nhân. Đổi mới cơ chế bảo hiểm y tế. Chính phủ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc và hướng dẫn chính quyền địa phương áp dụng cơ chế mới trong một phạm vi thích hợp; thông qua thực tiễn, rút kinh nghiệm kịp thời để hoàn chỉnh cơ chế mới và áp dụng rộng rãi.

b) Các ngành văn hoá, thể dục thể thao chủ động nghiên cứu các hình thức xã hội hoá có thể áp dụng trong các loại hình hoạt động của ngành và tăng cường các hoạt động sự nghiệp có thu để bù đắp một phần kinh phí.

Riêng trong lĩnh vực thể dục thể thao, phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng tham gia phát triển ngành, khuyến khích thành lập các câu lạc bộ theo từng môn thể

thao với kinh phí hoạt động do các thành viên tham gia tự nguyện đóng góp và Nhà nước trợ giúp một phần. Đồng thời, hết sức tranh thủ sự tài trợ hoặc đỡ đầu lâu dài của các nhà sản xuất, các hãng kinh doanh lớn ở trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Bổ sung cụ thể chính sách khuyến khích đầu tư trong nước đi đôi với giải quyết các vướng mắc trong việc thành lập và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp nhằm khai thác tiềm năng đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế, hướng mạnh vào những lĩnh vực, những vùng cần ưu tiên và sản xuất hàng xuất khẩu. Có quy chế phối hợp giữa các cơ quan, các tổ chức kinh tế nhà nước với các hiệp hội ngành nghề để hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế hộ gia đình và các doanh nghiệp, trước hết là về thông tin kinh tế và tiếp thị, về vốn, về ứng dụng công nghệ mới.

Ban hành quy chế BOT (xây dựng - khai thác - chuyển giao) và các hình thức tương tự áp dụng đối với đầu tư trong nước; thực hiện cơ chế dùng tiền thuê đất để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng trên cơ sở quy hoạch lại đất đai, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Tiếp tục phát hành trái phiếu công trình đối với một số dự án đầu tư có khả năng thu hồi vốn, tập trung trước hết cho sản xuất điện, xi măng và xây dựng công trình giao thông.

4. Triển khai thực hiện Nghị định 59/CP của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước; trong quá trình thực hiện, kịp thời điều chỉnh, bổ sung những quy định chưa thật sát hợp với tình hình thực tế. Chú trọng kiểm soát việc thực hiện các quy định về hạch toán chi phí sản xuất, về phân phối lợi nhuận sau thuế, nhằm chống lãng phí, tham ô và tăng tích lũy, đầu tư phát triển của các doanh nghiệp nhà nước.

Đánh giá lại đầy đủ giá trị tài sản cố định trong các doanh nghiệp nhà nước, kể cả giá trị quyền sử dụng đất giao cho doanh nghiệp; cho phép thực hiện khấu hao nhanh để trả nợ vốn vay đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ. Có biện pháp giải quyết vốn cho những doanh nghiệp có khả năng phát triển, đưa lại hiệu quả cao.

Giải quyết các vướng mắc để xúc tiến mạnh việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước đã được lựa chọn và chuẩn bị cho bước tiếp theo. Đẩy mạnh việc sắp xếp lại những doanh nghiệp đã thực hiện những biện pháp chấn chỉnh nhưng vẫn thua lỗ kéo dài; lựa chọn làm thí điểm việc bán đấu giá một số doanh nghiệp nhỏ, không thuộc lĩnh vực thiết yếu.

5. Phát triển nhiều hình thức thu hút vốn trung hạn, dài hạn và dùng một phần vốn tín dụng ngắn hạn trong giới hạn cho phép để cho vay trung và dài hạn. Nhà nước áp dụng chính sách bù một phần lãi suất huy động của ngân hàng để tăng nguồn vốn tín dụng đầu tư. Mở rộng phát hành tín phiếu kho bạc, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình, tín phiếu ngân hàng và các hình thức bảo hiểm.

Điều hành lãi suất phù hợp với chỉ số lạm phát, giảm dần chênh lệch lãi suất cho vay giữa khu vực nông thôn và thành thị, giữa lãi suất nội tệ và ngoại tệ. Cải tiến quy chế dự trữ bắt buộc; xây dựng quỹ bảo hiểm tiền gửi, đưa bảo hiểm tín dụng vào nội dung hoạt động của các Công ty bảo hiểm nhà nước.

Tiếp tục thực hiện chủ trương điều hành tỷ giá hợp lý, theo quan hệ cung cầu nhằm khuyến khích xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu. Hạn chế và kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu bằng hình thức vay trả chậm; từng bước cải thiện cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế. rà soát các chế độ quản lý ngoại hối; xác định rõ phạm vi không dùng ngoại tệ để thanh toán và cho vay ở trong nước. Xây dựng tổ chức và quy chế quản lý mọi khoản vay nợ nước ngoài.

Ngân hàng nhà nước thực thi các biện pháp lành mạnh hoá hoạt động tín dụng, tích cực thu hồi nợ đến hạn, giảm tỷ lệ nợ quá hạn, thanh tra và xử lý những trường hợp cán bộ ngân hàng vi phạm quy chế tín dụng để mưu lợi riêng.

6. Nâng cao hiệu quả tín dụng đầu tư của Nhà nước; đối với các dự án đầu tư thuộc diện ưu tiên, ngoài hình thức cho vay ưu đãi để thực hiện dự án (ưu đãi trước), cần áp dụng thí điểm hình thức tài trợ trên cơ sở xem xét hiệu quả thực tế sau khi dự án đã được thực hiện bằng các nguồn vốn khác (ưu đãi sau), nhằm bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Đối với những công trình hạ tầng vay vốn nước ngoài, có khả năng thu hồi vốn, lâu nay dùng vốn ngân sách để làm vốn đối ứng, nay chuyển sang vay tín dụng nhà nước và dùng nguồn thu phí để trả nợ.

7. Soát xét và bổ sung các dự án gọi vốn ODA, FDI phù hợp với quy hoạch phát triển các ngành, các vùng theo chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá hướng mạnh về xuất khẩu, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trong nước và của nền kinh tế. Hoàn thiện cơ chế quản lý và điều phối nguồn vốn ODA, triển khai thực hiện Luật đầu tư nước ngoài mới được sửa đổi, khắc phục các trở lực chủ quan và khách quan để tăng nhanh mức giải ngân vốn ODA đã được cam kết, nâng cao tỷ lệ thực hiện vốn FDI.

8. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của mỗi bộ, ngành, chính quyền địa phương phải phản ánh đầy đủ các nguồn vốn do Nhà nước chi phối và kiểm soát, bao gồm vốn ngân sách, vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn tự đầu tư của doanh nghiệp nhà nước (bằng nguồn khấu hao cơ bản, lợi nhuận sau thuế, trái phiếu công trình, cổ phiếu huy động) và vốn của các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài dưới các hình thức. Thủ trưởng các ngành, các cấp chính quyền có trách nhiệm quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của ngân sách và tín dụng nhà nước; kiểm soát và giúp đỡ đầu tư phát triển của các doanh nghiệp nhà nước và công ty nước ngoài; hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế khác.

9. Việc ghi kế hoạch và cấp phát, thanh toán vốn cho các công trình được Nhà nước đầu tư thực hiện theo các nguyên tắc và điều kiện đã đề ra trong Nghị định 42/CP với một số quy định cụ thể được bổ sung thêm như sau:

a) Đối với công trình nhóm C, các Bộ, ngành Trung ương, các uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổng công ty thành lập theo Quyết định số 91/TTg (gọi tắt là Tổng công ty 91) phải đăng ký đúng hạn và chỉ đăng ký một lần vào quý I/1997. Nếu không đăng ký kế hoạch theo quy định sẽ không được thông báo kế hoạch vốn. Việc Bố trí vốn nhóm C phải bảo đảm dành trên 60% cho các công trình và hạng mục hoàn thành trong năm.